TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Lê Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2025 về việc "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2025, giữa các đương sự;

** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

****** Bị đơn: Bà Cao Thị N1, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Cao Thị N1 vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nhưng do thời gian lâu nên ông không giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Ông bà kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông đi làm xa không về nhà, chỉ về nhà khi nào có việc và cũng không ngủ ở nhà bao giờ, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với bà N1.

- Về con chung: Ông xác định có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/1990, hiện nay anh Q đã lấy vợ và đi làm. Khi ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa ông N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn bà Cao Thị N1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà nhất trí với phần trình bày của ông N, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông N xin ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà xác định có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/1990, hiện nay anh Q đã lấy vợ và đi làm. Khi ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bà N1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 xác định có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/1990, hiện nay anh Q đã lấy vợ và đi làm. Khi ly hôn thì ông N và bà N1 không yêu cầu giải quyết.

-Về công nợ, tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 đều không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn N xin ly hôn bà Cao Thị N1, có nơi cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông N và bà N1 là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, ông N và bà N1 đều xác định hai bên chung sống với nhau từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện H, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống do không còn lưu giữ nên không cung cấp được giấy chứng

nhận kết hôn cho Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy: Ông N và bà N1 sau khi về chung sống với nhau năm 1988, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, bản thân ông N đi làm xa, ít khi về nhà, dẫn đến tình cảm dạn nứt và ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Qua xác minh ở địa phương thì xác định ông N và bà N1 chung sống với nhau từ năm 1988, ở xã cũng không còn lữu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1988 nên không xác định được ông N và bà N1 có đăng ký kết hôn hay không. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau *"N2 và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*". Do vậy, Hội đồng xét xử thấy, do N và bà N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 xác định có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/1990, hiện nay anh Q đã lấy vợ và đi làm. Khi ly hôn thì ông N và bà N1 không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 đều không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 xác định có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/1990, hiện nay anh Q đã lấy vợ và đi làm. Khi ly hôn thì ông N và bà N1 không yêu cầu giải quyết.

3.Về công nợ, tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị N1 đều không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004448 ngày 18/02/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Mai Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự